

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc Kh, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà Trần Hồng T trình bày: Bà và ông Trần Quốc Kh chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, bà và ông Kh đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn ông Kh. Bà và ông Trần Quốc Kh không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Ông Trần Quốc Kh trình bày: Về hôn nhân, ông thống nhất lời trình bày của bà Trần Hồng T về thời gian ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân đúng như bà Trần Hồng T trình bày. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Trần Hồng T. Ông và bà Trần Hồng T không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Hồng T khởi kiện ông Trần Quốc Kh yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ tranh chấp về “ly hôn”, bị đơn ông Trần Quốc Kh cư trú tại ấp V, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, bà Trần Hồng T và ông Trần Quốc Kh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Hồng T và ông Trần Quốc Kh không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Hồng T và ông Trần Quốc Kh là đúng quy định tại điều 9 và 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, bà Trần Hồng T và ông Trần Quốc Kh không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Bà Trần Hồng T và ông Trần Quốc Kh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Hồng T và ông Trần Quốc Kh là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Trần Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0019032 ngày 27 tháng 6 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Trần Hồng T không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

